

Bản án số: 62/2017/HS-PT

Ngày: 27 – 11 – 2017.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngô.

Các thẩm phán: 1- Ông Phạm Hùng Nuôi.

2- Bà Tăng Thị Thúy Nga.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Sơn- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27/11/2017 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 53/2017/HSPT ngày 24/10/2017 đối với các bị cáo Trà Hoàng L, Phan Văn P và Nguyễn Trường T, do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 16/2017/HSST ngày 21/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Bị cáo bị kháng nghị:

1. Họ và tên: Trà Hoàng L (tên Khác không), sinh ngày: 15/5/1995; Cư trú: ấp G, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Khmer; Tôn Giáo: không; Trình độ văn hóa: 6/12; Con ông Trà D (sống) và bà Kim Thị H (sống); Bị cáo có 02 người anh chị em ruột(lớn nhất bị cáo; nhỏ nhất sinh năm 1997); Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 06/01/2016, Trà Hoàng L bị Công an huyện T xử phạt hành chính 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (đến nay L chưa nộp phạt); Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/12/2016 đến nay. (có mặt tại phiên tòa)

2. Họ và tên: Phan Văn P (tên khác không), sinh ngày: 10/6/1993; Cư trú: ấp N, xã B, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Nuôi tôm; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Trình độ văn hóa: 01/12; Con ông Phan Văn Q (sống) và bà Quách Thị T (chết); Bị cáo có 05 người anh chị em ruột (lớn nhất sinh năm 1983, nhỏ nhất sinh năm 1993); Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/12/2016 đến nay. (có mặt tại phiên tòa)

3. Họ và tên: Nguyễn Trường T (tên khác không), sinh ngày: 09/12/2000; Nơi cư trú: ấp G, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Trình độ văn hóa: 6/12; Con ông Nguyễn Trường Đ (sống) và bà Trần Thị Mộng C (sống); Bị cáo có 03 người anh chị em ruột (lớn nhất

bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 2015); Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 16/12/2016 đến ngày 17/12/2016 chuyển sang tạm giam đến nay (có mặt tại phiên tòa).

* *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Trường T:* Bà Trần Thị Mộng C (tên khác không), sinh năm: 1981; Nơi cư trú: ấp G, thị trấn T huyện T, tỉnh Sóc Trăng; là mẹ ruột của bị cáo T. (có mặt tại phiên tòa)

* *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Trường T:* Bà Trần Lệ Quyên - luật sư của Văn phòng luật sư Thanh Quyên, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Sóc Trăng; Địa chỉ văn phòng: Số 122, đường Nguyễn Thị Minh Khai, khóm 6, phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt tại phiên tòa)

Những người dưới đây không liên quan đến kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không triệu tập gồm: Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh A, ông Phan Văn Q, bà Phan Thị H, bà Kim Thị T; Người làm chứng ông Hồ Thanh H và ông Nguyễn Văn S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 08 giờ 30 phút ngày 16/12/2016, tại ấp C, thị trấn T, huyện T lực lượng chức năng thuộc Đồn biên phòng Bãi Giá và Công an huyện T phát hiện Nguyễn Trường T đang điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter 150, màu trắng đỏ mang biển kiểm soát 83P2-727.29 có biểu hiện nghi vấn nên yêu cầu T dừng xe để kiểm tra. Qua kiểm tra, phát hiện trong túi quần của T có 01 (một) vỏ gói thuốc JET bên trong có 02 (hai) bịch nylon được hàn kín chứa chất tinh thể rắn trong suốt, T khai chất tinh thể rắn trong suốt là ma túy đá đem đi bán. Lực lượng chức năng tiến hành thu giữ và niêm phong vật chứng là 02 (hai) bịch nylon trong được hàn kín chứa chất tinh thể rắn trong suốt, 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO Neo 3 màu trắng, 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter 150, màu trắng đỏ mang biển kiểm soát 83P2-727.29 và 92.000 đồng. Qua điều tra, T khai số ma túy đá đi bán là lấy từ Trà Hoàng L và Phan Văn P đưa cho T đi giao cho người mua. Sau đó, cơ quan điều tra mời L và P làm việc. L và P thừa nhận vật chứng là 02 (hai) bịch ma túy mà lực lượng chức năng thu giữ của T là của L đi lấy về giao cho P và sau đó P đưa cho T, T đi giao cho người mua trong ngày 16/12/2016, cụ thể là: Vào lúc khoảng 14 giờ ngày 15/12/2016, L nhận được điện thoại của R (không rõ lai lịch) kêu L đến thị trấn L, huyện L lấy ma túy về đưa cho P nên L điều khiển xe mô tô của L mang biển kiểm soát 83P2-727.29 đi lấy ma túy. Khi L đến điểm hẹn vào khoảng 17 giờ cùng ngày, L gặp một nam thanh niên khoảng 30 tuổi (không rõ lai lịch) giao cho L một cái bọc màu đen thì L nhận bọc màu đen và chạy xe về. Trên đường về, L dừng xe mở bọc ra xem thấy bên trong có 01 (một) vỏ gói thuốc lá JET, bên trong vỏ gói thuốc lá có 02 (hai) bịch ma túy đá được hàn kín và 01 (một) tép ma túy nhỏ thì L cất bọc ma túy vào túi quần rồi chạy xe về. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, L chạy xe đến nhà P (P ở nhờ nhà của bà Phan Thị H là chị ruột P) và đi vào phòng ngủ thì gặp P và T đang ở trong phòng. Lúc này, L lấy vỏ gói thuốc lá JET từ trong túi quần ra bỏ xuống nền gạch trong phòng nơi P và T đang ngồi. P hỏi L “Cái gì vậy?”, thì L trả lời “Đồ đó” (“Đồ” là tiếng lóng chỉ ma túy đá), P nói “Đồ mà mày để đây ba tao và gia đình tao thấy là chết”, thì L nói

“Vây mày đem cất đi”. Bấy giờ, P lấy vỏ gói thuốc lá JET đựng ma túy đá đi ra sau bếp cất trong sọt rác để dưới bếp rồi trở lại phòng ngủ. Lúc ngày, L lấy 01 (một) tép ma túy nhỏ ra sử dụng cùng T và P, sau đó tất cả ngủ tại nhà P. Đến khoảng 06 giờ ngày 16/12/2016, T thức dậy đi vệ sinh cá nhân rồi nấu mì gói ăn, thì có người gọi điện thoại cho L. Sau khi nghe điện thoại xong, L bảo T vào phòng và bảo T kêu P thức dậy. Khi P thức thì L hỏi P “Đồ hồi hôm tao đưa cho mày, mày để đâu?”. P nghe L hỏi nhưng không trả lời mà đi thẳng ra nhà sau, T cũng đi theo. Lúc này, P lấy vỏ thuốc lá JET đựng ma túy trong sọt rác ra thì vỏ thuốc lá JET đã bị rách, P lấy 02 (hai) bịch ma túy ra ngoài và đưa cho T ngay tại góc bếp. Sau khi nhận 02 (hai) bịch ma túy từ P đưa, T đi vào phòng ngủ lấy 01 (một) vỏ thuốc lá JET còn nguyên để 02 (hai) bịch ma túy vào rồi lấy xe mô tô mang biển kiểm soát 83P2-727.29 của L và điện thoại OPPO Neo 3 của P đi giao ma túy cho Nguyễn Quốc H ở ấp C, thị trấn T. Khi đi đến ấp C, thị trấn T thì T bị lực lượng chức năng kiểm tra và bắt giữ.

Trong quá trình điều tra, L, P và T còn khai ra những lần bán ma túy khác như sau:

- Đối với L và P khai nhận: Cách ngày T bị bắt khoảng hai ngày, R điện thoại kêu L đi huyện L lấy ma túy về đưa lại cho P, ma túy được quấn trong băng keo màu đen. Sau khi lấy ma túy về, L đưa cho P cất giữ. Đến chiều cùng ngày, R điện thoại kêu P đem ma túy ra cây cầu xi măng thứ ba từ nhà P ra G và dán vào lan can cầu để có người đến lấy. Sau đó, P đã điều khiển xe của P đi giao ma túy theo lời dặn của R rồi về nhà, P không biết ai là người nhận ma túy.

- Đối với T khai nhận, ngoài lần bị bắt vào ngày 16/12/2016 thì T có đi giao ma túy cho người mua 02 lần theo yêu cầu của R là: Lần 1, T không nhớ rõ thời gian cụ thể, tại phòng ngủ của nhà P, R đưa ma túy đá cho T (số lượng tương tự như lần T bị bắt ngày 16/12/2016) và kêu T đi ra cầu 30/4 thuộc ấp N, xã B giao cho N (không rõ lai lịch). Sau đó, T lấy xe mô tô và điện thoại của P đi giao ma túy nhưng không báo cho P hay, khi giao ma túy cho N xong thì T về và không có nhận tiền từ N; Lần 2, cách ngày T bị bắt khoảng 07 ngày, tại phòng ngủ của P, R lấy ma túy đá kêu L đi bán nhưng L không đi thì R mới đưa cho T 01 (một) bịch ma túy đá cùng 02 (hai) ống thủy tinh (dụng cụ hút ma túy) và kêu T đi giao ở lùm chuối gần cầu G cho hai người không rõ lai lịch. Sau đó, T lấy xe của L đi nhưng không cho L hay và điện thoại của R đi giao ma túy. Khi đến điểm giao, T giao ma túy cho hai người mua và hai người mua đưa lại 150.000 đồng và 01 (một) điện thoại di động thì T điện thoại hỏi ý kiến L, L hỏi R kêu lấy tiền và điện thoại nên T nhận tiền và điện thoại về giao lại cho R. Trong quá trình thực hiện việc mua bán ma túy cùng với R, R cho P, L và T ma túy đá để sử dụng, ngoài ra R cho P 06 con gà trống đá, R cho L 02 con gà trống đá và 800.000 đồng (L nhận tiền từ P).

Sau khi thu giữ và niêm phong vật chứng, Đoàn biên phòng G đã ra quyết định trưng cầu giám định đối với vật chứng đã thu giữ trên người của Nguyễn Trường T là 02 (hai) bịch nylon được hàn kín, bên trong có chứa chất tinh thể rắn trong suốt. Tại bản kết luận giám định số 40/GĐMT-PC54 ngày 16/12/2016 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Sóc Trăng kết luận: Mẫu tinh thể gửi giám định có tổng trọng lượng là 9,834 gam, có Methamphetamine. Methamphetamine là

chất ma túy nằm trong Danh mục II, STT 67, Nghị định 82 ngày 19/7/2013 của Chính phủ.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 16/2017/HSST ngày 21/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện T, quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Trà Hoàng L, Phan Văn P và Nguyễn Trường T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng Điều 196 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003; khoản 1 Điều 194; Điều 20; điểm p khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46; Điều 53 và Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) đối với bị cáo Trà Hoàng L.

Xử phạt bị cáo Trà Hoàng L 04 (Bốn) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/12/2016.

- Áp dụng Điều 196 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003; khoản 1 Điều 194; Điều 20; điểm p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46; Điều 53 và Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) đối với bị cáo Phan Văn P.

Xử phạt bị cáo Phan Văn P 03 (Ba) năm 09 (Chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/12/2016.

- Áp dụng Điều 196 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003; khoản 1 Điều 194; Điều 20; điểm p khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46; Điều 69; khoản 1 Điều 74 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); Nghị quyết số 41/2017/NQ-QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7 và Điều 91 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Trường T.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trường T 03 (Ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/12/2016.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên phần án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo, những người bị hại và những người tham gia tố tụng khác.

Tại kháng nghị số 144/QĐ-KNPT ngày 03/10/2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T tỉnh Sóc Trăng đã đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng: xác định lại tư cách tham gia tố tụng của ông Hồ Thanh H và ông Nguyễn Văn S, áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194, điểm o khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “tự thú” đối với bị cáo Trà Hoàng L, Phan Văn P, Nguyễn Trường T, áp dụng điểm n khoản 1 Điều 48 bộ luật hình sự đối với bị cáo Trà Hoàng L và tăng hình phạt đối với ba bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng giữ quyền công tố nhà nước đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận Kháng nghị số 144/QĐ-KNPT ngày 03/10/2017 và áp dụng điểm b Khoản 2 Điều 248 và Khoản 3 Điều 249 Bộ luật tố tụng hình sự sửa bản án sơ thẩm theo hướng xác định lại tư cách tham gia tố tụng của ông Hồ Thanh H và ông Nguyễn Văn S, áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194, điểm o khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “tự thú” đối với bị cáo Trà Hoàng L, Phan Văn P, Nguyễn Trường T, áp dụng điểm n khoản 1 Điều 48 bộ luật hình sự đối với bị cáo Trà

Hoàng L và tăng hình phạt bị cáo L, bị cáo P từ 03 năm đến 04 năm tù; bị cáo T từ 02 năm tù đến 03 năm tù.

Tại phiên tòa phúc thẩm luật sư bào chữa cho bị cáo T đề nghị hội đồng xét xử cấp phúc thẩm áp dụng điểm a khoản 2 điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện T về áp dụng điểm b khoản 2 điều 194 Bộ luật hình sự và giữ nguyên hình phạt của cấp sơ thẩm đối với bị cáo T.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, luật sư, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1]. Xét về hành vi phạm tội của các bị cáo: Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như sau: Chiều ngày 15/12/2016, bị cáo Trà Hoàng L từ LH đi thị trấn L lấy ma túy theo yêu cầu của R không xác định địa chỉ. Khi đến thị trấn L, L gặp một nam thanh niên khoảng 30 tuổi (không rõ lai lịch) giao cho L một cái bọc màu đen thì L nhận bọc màu đen bên trong có 01 (một) vỏ gói thuốc lá JET, bên trong vỏ gói thuốc lá có 02 (hai) bạch ma túy đã được hàn kín và 01 (một) tép ma túy nhỏ thì L cất bọc ma túy vào túi quần rồi chạy xe về. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, tại phòng ngủ nhà của P, L lấy vỏ gói thuốc lá JET từ trong túi quần ra bỏ xuống nền gạch trong phòng nơi P và T đang ngồi. P hỏi L “Cái gì vậy?”, thì L trả lời “Đồ đó” (“Đồ” là tiếng lóng chỉ ma túy đá), P nói “Đồ mà mày để đây ba tao và gia đình tao thấy là chết”, thì L nói “Vậy mày đem cất đi”. P lấy vỏ gói thuốc lá JET đựng ma túy đá đi ra sau bếp cất trong sọt rác để dưới bếp rồi trở lại phòng ngủ. Đến khoảng 06 giờ ngày 16/12/2016, thì có người gọi điện thoại cho L. Sau khi nghe điện thoại xong, L bảo T vào phòng kêu T đi giao ma túy cho H và bảo T kêu P thức dậy. Khi P thức thì L hỏi P “Đồ hồi hôm tao đưa cho mày, mày để đâu?”. P nghe L hỏi nhưng không trả lời mà đi thẳng ra nhà sau, T cũng đi theo. Lúc này, P lấy vỏ thuốc lá JET đựng ma túy trong sọt rác ra đưa cho T, do vỏ gói thuốc lá bị rách nên T lấy 02 (hai) bạch ma túy, T đi vào phòng ngủ lấy 01 (một) vỏ thuốc lá JET còn nguyên để 02 (hai) bạch ma túy vào rồi lấy xe mô tô mang biển kiểm soát 83P2-727.29 của L và điện thoại OPPO Neo 3 của P đi giao ma túy cho H ở ấp C, thị trấn T. Khi đi đến ấp C, thị trấn T thì T bị lực lượng chức năng bắt giữ, tiến hành thu giữ và niêm phong vật chứng.

Tại bản kết luận giám định số 40/GĐMT-PC54 ngày 16/12/2016 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Sóc Trăng kết luận: Mẫu tinh thể gửi giám định có tổng trọng lượng là 9,834 gam, có Methamphetamine. Methamphetamine là chất ma túy nằm trong Danh mục II, STT 67, Nghị định 82 ngày 19/7/2013 của Chính phủ.

Xét thấy lời thừa nhận hành vi phạm tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, cấp sơ thẩm tuyên bố các bị cáo Trà Hoàng L, Phan Văn P và Nguyễn Trường T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

2. Xét kháng nghị số 144/QĐ-KNPT ngày 16/6/2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng;

[2.1] Xét kháng nghị về xác định lại tư cách tham gia tố tụng của ông Hồ Thanh H và ông Nguyễn Văn S. Tại phiên tòa phúc thẩm Kiểm Sát viên đề nghị hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận kháng nghị của viện kiểm sát nhân dân huyện T. Xét thấy, Đối với ông Hồ Thanh H và ông Nguyễn Văn S là người chứng kiến lập biên bản bắt người phạm tội quả tang của Đoàn biên phòng G thì theo Điều 55 bộ luật tố tụng hình sự thì “người nào biết được những tình tiết liên quan đến vụ án đều có thể được triệu tập đến làm chứng” Như vậy, Ông Hồ Thanh H và ông Nguyễn Văn S là người chứng kiến sự lập biên bản bắt người phạm tội quả của người tiến hành tố tụng và cấp sơ thẩm xác định tư cách của ông H và ông S là người làm chứng là đúng quy định pháp luật. Nên kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện T về vấn đề này không được chấp nhận.

[2.2] Xét kháng nghị về áp dụng tình tiết định khung tăng nặng tại điểm b khoản 2 Điều 194 và điểm o khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “tự thú” đối với bị cáo Trà Hoàng L, Phan Văn P, Nguyễn Trường T. Xét thấy, tại phiên tòa bị cáo T khai thì ngoài lần bị bắt vào ngày 16/12/2016, cách 02 ngày T lấy ma túy từ P (ma túy này L lấy từ R) được quần trong băng keo màu đen và đem đến cầu xi măng thứ 03 ra G dán trên cầu không biết ai nhận. Ngoài ra, T còn khai nhận là giao ma túy 02 lần theo yêu cầu của R lần 01 ngày tháng cụ thể không nhớ tại phòng ngủ của P, R đưa ma túy cho T số lượng tương tự như lần bắt quả tang và giao cho N không xác định địa chỉ; giao nhận tại cầu 30/4. Lần thứ 02 cách ngày bị bắt 07 ngày cũng tại phòng ngủ của P, R kêu L giao ma túy thì L không đi nên kêu T đem giao 02 ống thủy tinh tại lùm chuối cầu G không biết tên số tiền 150.000 đồng và 01 điện thoại di động. Theo tiết 1.4 mục 1 Phần I của Thông tư liên tịch số 17/2017/TTLT ngày 24/12/2007 của Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp (đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư liên tịch số 08/2015/TTLT ngày 14/11/2015 của Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp) quy định: “Trường hợp không thu giữ được vật chứng là chất ma túy, tiền chất nhưng có căn cứ xác định được trọng lượng chất ma túy, tiền chất mà người phạm tội đã mua bán, vận chuyển, tàng trữ hoặc chiếm đoạt thì người phạm tội bị truy cứu trách nhiệm hình sự về các tội danh và điều khoản tương ứng”. Ngoài lời khai nhận tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra và cũng như tại phiên tòa. Cơ quan điều tra đã không thu giữ được vật chứng là ma túy cũng như điện thoại di động mà T đã bán ma túy lần 02, bị cáo T thừa nhận của những lần vận chuyển trước khi bị bắt, cũng như không xác định được cụ thể thời gian vận chuyển, giao nhận ma túy, người mua ma túy. Hơn nữa trong vụ án này các bị cáo khai ma túy từ R mà có, cơ quan điều tra chưa thu thập tài liệu chứng minh là R là người lôi kéo các bị cáo phạm tội. Tại phiên tòa không thu thập được tài liệu, chứng cứ nào khác để xác định được trọng lượng ma túy mà các bị cáo L, P và T đã vận chuyển để mua bán để xác định các bị cáo phạm tội nhiều lần. Do vậy, Cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo chỉ đối với lần phạm tội quả tang là đúng quy định của pháp luật. Kháng nghị của Viện kiểm sát áp dụng tình tiết định khung tăng nặng tại điểm b khoản 2 điều 194 Bộ luật hình sự là không có căn cứ không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Xét kháng nghị về áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm o khoản 1 điều 46 Bộ luật hình sự. Xét thấy, cấp sơ thẩm áp dụng khoản 1 điều 194 Bộ luật hình sự và không có căn cứ lời khai nhận tội lần khác mà các bị cáo khai nhận không áp dụng tình tiết tăng định khung là nhiều lần. Nên cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm o khoản 1 điều 46 Bộ luật hình sự và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện T không được chấp nhận.

[2.4] Xét kháng nghị tình tiết tăng nặng tại điểm n khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự là xúi dục người thành niên phạm tội. Xét thấy, bị cáo Trà Hoàng L sinh năm 1995 và nhà bị cáo L và bị cáo Nguyễn Trường T nhà gần nhau cách nhau không quá 100m, thường ngày chơi chung, T kêu L bằng anh. Nên có căn cứ là L lôi kéo T vào việc mua ma túy và cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết tăng nặng tại điểm n khoản 1 điều 48 Bộ luật tố tụng hình sự là thiếu sót. Cấp phúc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện T về tình tiết này và tăng hình phạt đối với bị cáo L là phù hợp với pháp luật.

[3] Xét về án phí hình sự phúc thẩm thì các bị cáo không phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4]. Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời gian kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào điểm a Khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng Hình sự.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 điều 248 và khoản 3 điều 249 Bộ luật tố tụng hình sự (Sửa án).

QUYẾT ĐỊNH

[1] Chấp nhận một phần kháng nghị số 144/QĐ-KNPT ngày 03/10/2017 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng về áp dụng tình tiết tăng nặng tại điểm n khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự đối với bị cáo L.

- Áp dụng Điều 196 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 đối với các bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 194; Điều 20; điểm p khoản 1 điều 46; khoản 2 Điều 46; Điều 53 và Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) đối với bị cáo Trà Hoàng L, Phan Văn P và Nguyễn Trường T. Riêng bị cáo L còn áp dụng thêm điểm n khoản 1 điều 48 và bị cáo T áp dụng thêm khoản 5 điều 69 và khoản 1 điều 74 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/NQ-QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7 và Điều 91 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Trường T.

Tuyên xử:

1. Xử phạt bị cáo Trà Hoàng L: 05 năm tù (năm năm tù) về tội mua bán trái phép chất ma túy. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày: 16/12/2016.

2. Xử phạt bị cáo Phan Văn P: 03 năm 09 tháng tù (ba năm chín tháng tù) về tội mua bán trái phép chất ma túy. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày: 16/12/2016.

3. Xử phạt bị cáo Nguyễn Trường T: 03 năm tù (Ba năm tù) về tội mua bán trái phép chất ma túy. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày: 16/12/2016.

[2] Án phí hình sự phúc thẩm các bị cáo không phải chịu.

[3] Các phần quyết định khác của quyết định bản án hình sự sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời gian kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng
- TAND huyện T (2 bản);
- VKSND huyện T;
- Công an huyện T
- Chi cục THADS huyện T;
- PHSNV - Công an tỉnh Sóc Trăng;
- Bị cáo; Trại tạm giam.
- PKTNNV-THA – TAND tỉnh Sóc Trăng;
- CQTHAHS- Công an tỉnh Sóc Trăng;
- Sơ Tư pháp;
- Lưu hs, THS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Ngô